UBND TỈNH BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 03 tháng 6 năm 2019

KẾT QUẢ ĐIỂM THI PHẦN IV

(Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực đời sống xã hội)

Lớp Trung cấp LLCT - HC, hệ đào tạo tại chức - Khoá 98 (2019 - 2020), mở tại huyện Tánh Linh

Ngày thi: Sáng 23/4/2019

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
01	01	Bùi Quang	Bình	23/10/1990	Bình Thuận	22	8.0	Tám	
02	02	Lê Đình	Chí	12/11/1988	Bình Thuận	19	7.5	Bảy rưỡi	
03	03	Võ Văn	Chiến	22/06/1967	Đà Nẵng	40	6.0	Sáu	
04	04	Nguyễn Thị Kim	Cúc	14/09/1977	Bình Thuận	45	7.5	Bảy rưỡi	
05	05	Lê Việt	Cường	09/02/1979	Quảng Ngãi	67	5.5	Năm rưỡi	
06	06	Nguyễn Cao	Cường	01/08/1986	Bình Thuận	30	5.0	Năm	
07	07	Trịnh Văn	Dị	08/09/1969	Bắc Ninh	47	5.0	Năm	
08	08	Nguyễn Minh	Dũng	30/12/1973	TP. Hồ Chí Minh	01	8.0	Tám	
09	09	Nguyễn Quý	Dương	20/05/1981	Quảng Trị	41	8.0	Tám	
10	10	Hoàng Đình	Đông	08/02/1977	Bình Thuận	70	8.0	Tám	
11	11	Châu Hải Phước	Điền	20/07/1979	Bình Thuận	51	5.5	Năm rưỡi	
12	12	Phan Thị	Gái	15/10/1986	Hà Tĩnh	35	5.5	Năm rưỡi	
13	13	Nguyễn Thị	Hải	22/12/1974	Thanh Hóa	15	6.0	Sáu	
14	14	Nguyễn Minh	Hải	02/07/1976	Đồng Nai	08	8.0	Tám	
15	15	Cao Thị	Hải	05/01/1981	Quảng Bình	56	7.0	Bảy	
16	16	Huỳnh Thị	Hạnh	17/12/1987	Bình Thuận	11	7.5	Bảy rưỡi	
17	17	Phạm Thị	Hạnh	07/08/1983	Bình Thuận	48	7.5	Bảy rưỡi	
18	18	Huỳnh Thị Hồng	Hiền	14/10/1979	Bình Thuận	23	8.0	Tám	
19	19	Trần Thị	Hiếu	06/06/1973	Bình Thuận	49	7.5	Bảy rưỡi	
20	20	Nguyễn Thị	Hoa	15/07/1975	Bình Thuận	09	6.0	Sáu	
21	21	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	04/02/1989	Bình Thuận	66	7.5	Bảy rưỡi	
22	22	Nguyễn Hữu	Hùng	19/06/1973	Đà Nẵng	57	8.0	Tám	
23	23	Lê Phước	Hùng	07/07/1983	Bình Thuận	05	8.5	Tám rưỡi	
24	24	Nguyễn Xuân	Hưng	20/12/1984	Bình Thuận	14	7.5	Bảy rưỡi	
25	25	Nguyễn Thị	Hường	01/01/1986	Bình Thuận	69	7.5	Bảy rưỡi	
26	26	Phan Nhật	Huy	09/02/1994	Bình Thuận	42	5.0	Năm	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
27	27	Thái Văn	Khánh	24/10/1982	Hà Tĩnh	65	7.5	Bảy rưỡi	
28	28	Nguyễn Huy	Khôi	19/05/1972	Thanh Hóa	31	5.0	Năm	
29	29	Nguyễn Thành	Lâm	30/11/1978	Bình Thuận	36	6.5	Sáu rưỡi	
30	30	Phạm Đình	Lắm	18/09/1974	Bình Thuận	21	6.0	Sáu	
31	31	Nguyễn Quốc	Lịch	09/11/1978	Quảng Bình	29	7.0	Bảy	
32	32	Phan Ngọc	Linh	01/04/1982	Bình Thuận	68	6.0	Sáu	
33	33	Nguyễn Thị Thảo	Linh	05/09/1985	Bình Thuận	53	7.5	Bảy rưỡi	
	~~34~~	~~Mai Thị~~	~~Loan~~	~~01/08/1978~~	~~Thái Bình~~				*Thôi học*
34	35	Nguyễn Trần Bích	Nguyên	26/10/1992	Bình Thuận	60	8.5	Tám rưỡi	
35	36	Cao Tuấn	Nhã	01/03/1970	Quảng Bình	13	6.0	Sáu	
36	37	Hồ Hồng	Phong	31/03/1978	Bình Thuận	27	5.5	Năm rưỡi	
37	38	Nguyễn Thị Kim	Phụng	02/07/1988	Bình Thuận	33	8.5	Tám rưỡi	
38	39	Huỳnh Văn	Phương	08/04/1986	Bến Tre	50	5.0	Năm	
39	40	Hoàng Văn	Phương	03/11/1978	Quảng Trị	17	8.0	Tám	
40	41	Cáp Thị	Phượng	24/07/1971	Quảng Trị	10	8.5	Tám rưỡi	
41	42	Lê Thị Hồng	Phượng	25/02/1986	Bình Thuận	64	8.0	Tám	
42	43	Nguyễn Thị	Phượng	04/04/1986	Bình Thuận	39	8.5	Tám rưỡi	
43	44	Phạm Tiến	Quân	21/02/1984	Bình Thuận	18	5.5	Năm rưỡi	
44	45	Võ Thanh	Sơn	18/10/1978	Bình Thuận	55	6.0	Sáu	
45	46	Trần Văn	Tâm	20/05/1968	Quảng Trị	20	5.5	Năm rưỡi	
46	47	Nguyễn Ngọc	Thắng	02/08/1979	Nghệ An	25	6.5	Sáu rưỡi	
47	48	Nguyễn Duy	Thắng	16/08/1982	Nghệ An	38	6.5	Sáu rưỡi	
48	49	Lê Quốc	Thiên	28/08/1985	Bình Thuận	52	7.0	Bảy	
49	50	Nguyễn Thị	Thu	12/07/1988	Thanh Hóa	62	8.0	Tám	
50	51	Dương Thị	Thu	01/07/1969	Bình Thuận	02	7.5	Bảy rưỡi	
51	52	Trần Đình Minh	Thuận	12/09/1972	Đà Nẵng	58	5.0	Năm	
52	53	Thái Anh	Thuận	20/06/1986	Bình Thuận	16	8.0	Tám	
53	54	Đặng Thị	Thúy	20/04/1981	Hà Tĩnh	34	6.0	Sáu	
	~~55~~	~~Trương Thị Như~~	~~Thủy~~	~~01/06/1979~~	~~Bến Tre~~				*Thôi học*
54	56	Huỳnh Quốc	Tiến	01/01/1984	Bình Thuận	28	7.5	Bảy rưỡi	
55	57	Phạm Thanh	Tịnh	26/09/1991	Bình Thuận	43	8.5	Tám rưỡi	
56	58	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	01/01/1980	Bình Thuận	61	5.5	Năm rưỡi	
57	59	Nguyễn Văn	Trí	02/05/1980	Bình Thuận	59	6.0	Sáu	
58	60	Phạm Minh	Trị	02/09/1982	Bình Thuận	06	8.5	Tám rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
59	61	Trần Diệu Mai	Trúc	07/10/1986	Bình Thuận	32	7.5	Bảy rưỡi	
60	62	Bùi Duy	Từ	06/05/1979	Bình Thuận	24	5.0	Năm	
61	63	Hồ Anh	Tuấn	16/06/1986	Quảng Bình	07	8.0	Tám	
62	64	Võ Thị Châu	Uyên	07/07/1982	Quảng Nam	03	7.0	Bảy	
63	65	Lê Thị Tuyết	Vân	10/06/1986	Bình Thuận	37	6.0	Sáu	
64	66	Nguyễn Thị Y	Vân	28/05/1985	Bình Thuận	63	8.5	Tám rưỡi	
65	67	Trần Thị Lưu	Vi	17/04/1978	Bình Thuận	44	8.0	Tám	
66	68	Nguyễn Hữu	Việt	10/01/1978	Quảng Trị	12	6.0	Sáu	
67	69	Nguyễn Thanh	Vũ	16/05/1978	Bình Thuận	04	7.0	Bảy	
68	70	Trương Hoàng	Vũ	01/09/1977	Quảng Trị	26	7.0	Bảy	
69	71	Phan Minh	Định	19/05/1984	Bình Thuận	54	5.5	Năm rưỡi	
70	72	Phạm Thị Song	Thương	08/10/1979	Bình Thuận	46	5.5	Năm rưỡi	

Tổng số: 70 bài.

Trong đó:

* Điểm 8,5: 08 bài.
* Điểm 8,0: 13 bài.
* Điểm 7,5: 13 bài.
* Điểm 7,0: 06 bài.
* Điểm 6,5: 03 bài.
* Điểm 6,0: 11 bài.
* Điểm 5,5: 09 bài.
* Điểm 5,0: 07 bài.

Tỷ lệ:

Giỏi: 21 bài. (tỷ lệ: 30.00 %)

Khá: 19 bài. (tỷ lệ: 27.14 %)

Trung bình: 30 bài. (tỷ lệ: 42.86 %)

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Phạm Thị Hoài

TRƯỞNG KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ

ThS. Nguyễn Lương Luyện

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Ký bởi: Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận
Email: tct@binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 11.06.2019 16:35:38

Ký bởi: Nguyễn Thị Như Yến
Email: yenntn@tct.binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Trường Chính trị, Tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 11.06.2019 15:53:52 +07:00

ThS. Nguyễn Thị Như Yến